**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I MÔN TOÁN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**(1**)** | **Chương/Chủ đề**(2) | **Nội dung/đơn vị kiến thức**(3) | **Mức độ đánh giá**(4-11) | **Tổng % điểm**(12) |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | **Chương 1: Số tự nhiên****(26 tiết)** | *Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên* |   | 1(Bài 1a)1đ |  |  | 10% |
| *Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên* | 1(Bài 2a, 2b)1,0đ | 2(Bài 3a)0,75đ | 2(Bài 2c, 3b)1,5đ |  | 32,5 % |
| *Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và ƯCLN, bội chung và BCNN* |  | 1(Bài 1b, 3c)1,75đ | 2(Bài 4,5)2đ |  | 37,5% |
| **2** |  **Chương 3: Các hình phẳng trong thực tiễn** **(7 tiết)** | *Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.* |  | 1(Bài 6b)0,5đ |  |  | 5% |
| *Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.* | 1(Bài 6a)1,0đ | 1(Bài 6c)0,5đ |  |  | 1,5% |
| **Tổng** | **3 câu****2,0 điểm** | **6 câu****4,5 điểm** | **4 câu****3,5 điểm** |  | 13 câu10 điểm |
| **Tỉ lệ %** | **20%** | **45%** | **35%** | **0%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | **65%** | **35%** | **100%** |

**Chú ý**: Tổng số tiết : 33 tiết

*Thời gian kiểm tra: Tuần 10 – Học kì I (Số và Đại số: 28 tiết (hết chương 1), Hình học 7 tiết (hết bài 2, chương 3)).*

**BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I MÔN TOÁN - LỚP 6**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biêt** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Chương 1: Số tự nhiên****(26 tiết)** | *Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên* | ***Thông hiểu:***– Sử dụng được 2 cách cho tập hợp liên quan đến thứ tự, tính chất ( chẵn, lẻ ) trong tập hợp số tự nhiên |  | 1TL (1a) |  |  |
| *Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên* | ***Nhận biết:***– Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc nhân và chia hai lũy thừa cùng cơ số đơn giản***Thông hiểu:*** sử dụng các quy tắc về thứ tự các phép tính để tìm số tự nhiên đơn giản. ***Vận dụng:*** – Vận dụng được các tính chất, quy tắc của phép tính (kể cả phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên) để thực hiện phép tính phức tạp. | 2TL (2a,b ) | 1TL (3a) | 2TL ( 2c; 3b) |  |
| *Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung* | ***Thông hiểu:***- Sử dụng quan hệ chia hết, các khái niệm ước, bội, số nguyên tố, hợp số.- Sử dụng quy tắc, cách tìm UCLN, BCNN bằng cách phần tích ra TSNT***Vận dụng:***– Giải quyết các bài toán thực tế bằng cách vận dụng ước chung, ước chung lớn nhất; xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên. |  | 1TL (3c )1TL (1c ) | 2TL (4,5) |  |
| **2** | **Chương 3: Các hình phẳng trong thực tiễn** **(7 tiết)** | *Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều* | ***Thông hiểu:*** – Vẽ tam giác đều, hình vuông , lục giác đều bằng dụng cụ học tập. |  | 1TL (6b) |  |  |
| *Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.* | ***Nhận biết:***– Nhận biết và mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. ***Thông hiểu:***– Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập. | 1 TL (6a) | 1 TL(6c) |  |  |